TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:101/2021/DS-PT
Ngày: 22-10-2021
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 199/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 88/2021/QĐ-PT ngày 13/8/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 124/2021/QĐPT- DS ngày 28/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Đào Đức T , sinh năm: 1978 và bà Lê Phương L , sinh năm: 1978; Cùng trú tại: Tổ dân phố Đ1, thị trấn B, huyện H, tỉnh D. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Đình N, sinh năm 1974; Văn phòng luật sư Dương Đình N thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số 06 Nguyễn Vă nT, tổ 24, thị trấn N huyện T, tỉnhĐ. (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh K, sinh năm: 1965 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1972; Cùng trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn B, huyện H, tỉnh Đ. (có mặt)

Bà H ủy quyền cho ông K theo văn bản ủy quyền ngày 30/3/2020.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Liên, sinh năm: 1963; trú tại: Số 18/2 Ngô Quyền, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

+ Ông Cái Văn Vũ, sinh năm: 1980 và bà Trần Thị Nhung, sinh năm: 1985; Trú tại: Số 26, đường Phạm Ngũ Lão, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn vợ chồng ông Đào Đức T , bà Lê Phương L .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung vợ chồng ông Đào Đức T , bà Lê Phương L trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 100m2 thuộc thửa số 33 và diện tích đất 442,9m2 thuộc thửa số 32 tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà có nguồn gốc do vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Cái Văn Vũ, bà Trần Thị Nhung. Vợ chồng ông Vũ, bà Nhung nhận chuyển nhượng lại của bà Trần Thị Liên. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông, bà xây dựng công trình phụ trên một phần diện tích đất thì phát hiện vợ chồng ông K , bà Hương đã lấn chiếm một phần diện tích đất của vợ chồng ông, bà. Khi phát sinh tranh chấp vợ chồng ông, bà đã đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà hòa giải nhưng không thành. Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông K , bà Hương trả lại cho vợ chồng ông bà diện tích đất lấn chiếm là 3,1m2 thuộc một phần thửa số 33 và 12,6m2 thuộc một phần thửa 32 tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà. Tại buổi định giá tài sản và trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông, bà chỉ yêu cầu vợ chồng ông K , bà Hương phải trả cho vợ chồng ông, bà diện tích đất lấn chiếm là 3.1m2 thuộc một phần thửa số 32, tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Mạnh K, bà Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng ông, bà không đồng ý trả lại diện tích đất trên theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Năm 2000 vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng diện tích đất 100m2 thuộc thửa 707 (cũ) nay là thửa 34 và 80m2 thuộc thửa 708 (cũ) nay là thửa 325 tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà của bà Hà Thị Hân, chiều ngang mặt đường và chiều ngang phía đuôi đều là 5m. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên vợ chồng ông, bà đã sử dụng ổn định, đã tiến hành xây dựng nhà từ năm 2000. Đối với bờ tường phía sau do bà Trần Thị Lý xây năm 2003 và bờ tường phía sau do bà Trần Thị Liên đã xây dựng xong toàn bộ trước năm 2000, trước thời điểm vợ

chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của bà Hân. Sau đó, vợ chồng ông, bà mới tiến hành xây dựng hàng rào gạch phía sau cách đây khoảng hơn 10 năm. Khi tiến hành xây dựng bờ tường hàng rào phía sau thì không xảy ra tranh chấp với ai, gia đình bà Lý và bà Liên không có ý kiến gì. Đối với ranh giới giữa vợ chồng ông bà với bà Liên năm 2003 Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã tiến hành phân chia tài sản đối với diện tích đất của bà Liên và ông Minh, giao phần đất giáp ranh với nhà vợ chồng ông, bà cho bà Liên sử dụng đến nay không xảy ra tranh chấp với vợ chồng ông, bà. Do đó, ranh giới đất đã được công nhận là hợp pháp, rõ ràng, không có tranh chấp. Đối với ranh giới giáp nhà bà Lý thì bà Lý có nói với vợ chồng ông, bà để lại 10cm làm ranh giới đất giữa vợ chồng ông, bà và bà Lý. Đất nhà bà Lý kéo dài ra phía sau bị chéo nên dư ra là 20cm chứ không phải vợ chồng ông, bà lấn chiếm.

Khi vợ chồng ông Thuận, bà Lâm nhận chuyển nhượng diện tích đất thuộc thửa 32, 33 tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà của bà Trần Thị Liên. Sau khi vợ chồng ông Thuận, bà Lâm nhận chuyển nhượng đất trên thì có nói vợ chồng, ông bà ra để chỉ ranh giới sử dụng đất. Tại thời điểm đó vợ chồng ông, bà và bà Liên có chỉ rõ ranh giới đất cho vợ chồng ông Thuận, bà Lâm biết nhưng vợ chồng ông Thuận, bà Lâm không đồng ý nên vợ chồng ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Liên trình bày: Bà sử dụng thửa đất số 32, số 33, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại tổ dân phố Thăng Long, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà vào khoảng năm 1999. Sau này bà chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho vợ chồng ông Cái Văn Vũ, bà Trần Thị Nhung vào năm 2018. Quá trình sử dụng đất giữa bà và vợ chồng ông K , bà Hương không có tranh chấp về ranh giới đất. Bà là người xây bức tường rào ngăn ranh giới đất giữa hai nhà. Thời điểm xây tường rào bà xây trên phần đất của bà và ông K , bà Hương cũng không tranh chấp phần ranh giới đất này. Trong vụ án này bà không có ý kiến và yêu cầu gì. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Cái Văn Vũ, bà Trần Thị Nhung trình bày: Vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng diện tích đất thuộc thửa đất số 32,33 tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại tổ dân phố Thăng Long, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà của bà Trần Thị Liên vào năm 2018. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông bà không sử dụng thửa đất này. Quá trình sở hữu thửa đất trên vợ chồng ông bà cũng không tranh chấp ranh giới đất với vợ chồng ông K , bà Hương. Khi nhận chuyển nhượng đã có sẵn hàng rào. Vào năm 2019 vợ chồng ông bà chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông Thuận, bà Lâm và chuyển nhượng theo hiện trạng đất có sẵn hàng rào trên đất. Trong vụ án này vợ chồng ông bà không có ý kiến gì.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DSST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đào Đức T , bà Lê Phương L đối với vợ chồng ông Nguyễn Mạnh K, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Mạnh K, bà Nguyễn Thị H phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 3,1m2 thuộc một phần thửa số 32, tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/5/2021 nguyên đơn vợ chồng ông Đào Đức T và bà Lê Phương L kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo. Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của vợ chồng ông Đào Đức T và bà Lê Phương L trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Thuận, bà Lâm yêu cầu vợ chồng ông K , bà Hương trả lại diện tích đất 3,2m^2 thuộc một phần thửa số 33 và 12.6m^2 thuộc một phần thửa số 32, tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà đã lấn chiếm; bị đơn ông K bà Hương không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Nguồn gốc diện tích đất 100m2 thuộc thửa số 33 và diện tích đất 442,9m2 thuộc thửa số 32 tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà có nguồn gốc của bà Trần Thị Liên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 991989, số AN 991979 ngày 24/10/2008 và đã cập nhật thay đổi thông tin trang 4 cho ông Đào Đức T , bà Lê Phương L vào ngày 09/9/2019. Tiếp giáp với thửa đất số 32, 33 là thửa số 707/100m2(cũ) nay là thửa 34, 708/80m2 (cũ) nay là thửa 325 của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh K, bà Nguyễn Thị H đã được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 471238 ngày 27/5/2002 và số V 483447 ngày 27/8/2005. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đương sự không có khiếu nại về trình tự thủ tục xét cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, do vậy cần căn cứ vào diện tích đất các bên được xét cấp để giải quyết vụ án là có căn cứ.

[3.2] Theo kết quả đo vẽ ngày 24/6/2020 diện tích các bên đương sự tranh chấp với nhau là diện tích đất 3,2m2 thuộc thửa số 33 và diện tích đất 12,6m2 thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn vợ chồng ông Thuận, bà Lâm xác định ranh giới tại thửa 33 là tường nhà do nguyên đơn xây kiên cố nên đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất tranh chấp tại thửa 33 với diện tích 3.2m2, tuy nhiên cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu này là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm nên có sở chấp nhận lời trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và đình chỉ đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn vợ chồng ông Thuận, bà Lâm. Trường hợp có tranh chấp vợ chồng ông Thuận, bà Lâm được quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Đối với diện tích đất 12,6m2 thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà nguyên đơn vẫn tranh chấp, tuy nhiên cấp sơ thẩm đã xác định lại diện tích đất tranh chấp còn lại là 3.1m2 tại thửa 32 mà không lồng ghép lại việc đo vẽ diện tích đất tranh chấp tại thửa 32 và thửa 34, 325 tờ bản đố số 50, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, theo kết quả đo vẽ ngày 24/6/2020 là không đúng, do vậy nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm 12.6m2 thì diện tích đất này vẫn nằm trong phạm vi đơn khởi kiện ghi ngày 08/11/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/8/2020 nên có cơ sở để xem xét.

[3.4] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thể hiện diện tích các bên tranh chấp tại thửa 32 và thửa 34, 325 có diện tích là 9.2m^2. Nguyên đơn cho rằng trên diện tích tranh chấp này có một bức tường tiếp nối từ bức tường nhà tại thửa 33 do chủ cũ là bà

Trần Thị Liên xây có chiều dài 7.6m tiếp giáp thửa 32 và thửa 34, 325 thì móng của bức tường này tính từ mép bức tường ra còn một hàng gạch nên đất tại vị trí này của nguyên đơn vẫn còn 0.2m; đối với bức tường chuồng heo có chiều dài 6.5m do bị đơn xây có lấn sang thửa 32 là 0.2m; đối với phần đất trống tiếp giáp hết thửa 325 có chiều dài 6,6 hiện nay để trống chưa xác định được vị trí và cuối thửa 325 tiếp giáp thửa 32 bị đơn đã xây một bức tường dài 5.2m có lấn sang thửa 32 là 0.2m nên khởi kiện đòi lại. Còn bị đơn cho rằng đã sử dụng đúng diện tích đất đã mua phía trước giáp đường có chiều rộng 5m, phía sau giáp thửa 32 có chiều rộng 5m và đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay, việc diện tích dư 0.2m so với giấy chứng nhận được cấp là do bà Trần Thị Kim Lý chủ sử dụng thửa đất số 35 tiếp giáp thửa 34, 325 đã chừa ra nên dẫn đến có dư diện tích đất này nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bên xảy ra tranh chấp.

[3.5] Qua xem xét các chứng cứ về trình tự xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện ranh giới thửa 32 và thửa 34, 325 là một đường thẳng, trong khi đó trên thực tế các bên sử dụng hiện nay nếu kéo thẳng bức tường do bà Trần Thị Liên xây tại thửa 32 tính từ hàng gạch phía trong thuộc thửa 32, bức tường chuồng heo do bị đơn xây thuộc thửa 34, 325 tính từ mép hàng gạch về thửa 32, phần đất trống tiếp giáp thửa 32, thửa 34, 325 và bức tường do bị đơn xây có chiều rộng 5.2m cuối thửa 325 tiếp giáp thửa 32 là một đường gấp khúc. Hơn nữa bà Trần Thị Kim Lý xác định đã xây hết đất tại thửa 35, không chừa 0.2m giữa thửa 34, 325 và 35 nên lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó để ổn định trong việc sử dụng, cũng như sử dụng đúng diện tích đất được xét cấp tại thửa 32 và thửa 34, 325 nên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn diện tích 9.2m2 thuộc thửa 32, cụ thể: tính từ mép tường do bị đơn xây tại cuối thửa 325 từ vị trí góc tường gạch tiếp giáp thửa 35 có chiều rộng là 5m, kéo thẳng lên ranh giới thửa 32, một phần thửa 34, 325 có chiều dài 20.7m và đồng thời bị đơn có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây dựng có trên diện tích đất trả lại gồm: Một bức tường xây có chiều dài 6.5m x chiều rộng 0.2m và một bức tường có chiều rộng 0.2m cuối thửa 325 cho nguyên đơn là phù hợp (có họa đồ đo vẽ kèm theo).

[3.6] Từ những phân tích trên cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông Đào Đức T , bà Nguyễn Phương Lâm, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tại cấp sơ thẩm 7.521.000đồng, cấp phúc thẩm 1.800.000đồng, tổng cộng 9.321.000đồng. Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn nhận chịu toàn bộ chi phí này đã được quyết toán xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của vợ chồng ông Thuận, bà Lâm được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Mạnh K, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn vợ chồng ông Đào Đức T và bà Lê Phương L . Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DSST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đào Đức T , bà Lê Phương L về việc khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích đất 3.1m^2 tại thửa 33 tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà đối với vợ chồng ông Nguyễn Mạnh K, bà Nguyễn Thị H. Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu nói trên được thực hiện theo quy định tại Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Đức T , bà Lê Phương L đối với ông Nguyễn Mạnh K, bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại một phần thửa 32 tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh K, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại diện tích đất 9.2m^2 thuộc một phần thửa số 32, tờ bản đồ số 50, bộ bản đồ thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà (cụ thể diện tích đất trả lại: tính từ mép tường do bị đơn xây tại cuối thửa 325 từ vị trí góc tường gạch tiếp giáp thửa 35 có chiều rộng là 5m, kéo thẳng lên ranh giới thửa 32, một phần thửa 34, 325 có chiều dài 20.7m và có nghĩa vụ tháo dỡ các công trình xây dựng có trên diện tích đất trả lại gồm: Một bức tường xây có chiều dài 6.5m x chiều rộng 0.2m và một bức tường có chiều rộng 0.2m cuối thửa 325 cho vợ chồng ông Đào Đức T , bà Lê Phương L (kèm theo họa đồ ngày 24/6/2020).

[3] Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh K, bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Đào Đức T , bà Lê Phương L số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 3.160.000đ (Ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) theo các biên lai thu số AA/2016/0007092 ngày 16/12/2019; số AA/2016/0007634 ngày 17/8/2020; số AA/2016/0015449 ngày 01/7/2021; số AA/2016/0015310 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thành Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Nhân **Lê Thị Vân** **Nguyễn Thành Tâm**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Tâm

Theo quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự: "…bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án dân sự phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm…" và Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "Thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn." Bị đơn ông Trần Mai Hưng đã nhận được thông báo của Tòa án nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 146, 200, 202 Bộ luật tố tụng dân sự do đó cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu độc lập của ông Hưng là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS TP Đà Lạt;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Mạnh Hùng

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xác định quan hệ tranh chấp là đòi tài sản vì không phải là uan hệ vay nợ. Bị đơn kh

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.